TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ - ST
Ngày 10-7-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO - TP HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Ông Vũ Văn Thôn

- Th- ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 780/2018/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017, giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị C; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn L; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội x, phân trại số x, trại giam số x, huyện T, tỉnh Nghệ An, vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện An Lão, chị Dương Thị C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đỗ Văn L kết hôn với nhau vào năm 2006, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Q, huyện A, Hải Phòng ngày 31 tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã Q, huyện A, Hải Phòng, được 01 tháng thì anh Đỗ Văn L bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy, bị kết án tù chung thân, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị Dương Thị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ đ- ợc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Lão giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2. Về con chung: Chị Dương Thị C và anh Đỗ Văn L không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị C trình bày chị và anh L không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn L thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng, nay chị C xin ly hôn, bản thân anh L đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn; về con chung, tài sản và công nợ anh L thống nhất vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Dương Thị C có đơn xin ly hôn, anh Đỗ Văn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Dương Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn L; về con chung, tài sản công nợ các đương sự không có, không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí: đề nghị Tòa án buộc chị Dương Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về Tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Đỗ Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại điểm

khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn L.

Về yêu cầu của đương sự:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C kết hôn với anh Đỗ Văn L, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, Hải Phòng vào ngày 31 tháng 7 năm 2006, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị C, anh L chung sống tại thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống trên cơ sở, lời khai các đương sự, biên bản xác minh của Tòa án (bút lục 20, 27, 28) thấy: chị C, anh L chỉ chung sống với nhau được 01 tháng thì anh L vi phạm pháp luật hình sự, với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị kết án chung thân, chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ, tại xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ nhau từ đó, không ai quan tâm đến ai. Khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ th- ơng yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ tr- ờng hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*, việc chị C, anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2006, nguyên nhân do anh L can án là đã vi phạm nghĩa vụ đối với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Do đó việc chị Dương Thị C đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn L là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đ- ợc Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị C, anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Chị Dương Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại Điều 9 và Điều 19, 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Dương Thị C được ly hôn anh Đỗ Văn L;

2- Về án phí: Chị Dương Thị C phải nộp 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nh- ng đ- ợc trừ vào 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0016782, ngày 12 tháng 4 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, chị C đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Dương Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Đỗ Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- Chi cục THA. Huyên A;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt